

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 34/2009/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 4332/TTr-BKH ngày 17 tháng 6 năm 2008; ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương liên quan về Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI CỦA VÀNH ĐAI KINH TẾ VEN BIỂN VỊNH BẮC BỘ

Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ phần thuộc lãnh thổ Việt Nam gồm hai tỉnh, thành phố có tuyến vành đai kinh tế đi qua là Quảng Ninh và Hải Phòng, có diện tích tự nhiên 7.418,8 km², dân số gần 2,9 triệu người, chiếm 2,24% diện tích tự nhiên và 3,44% dân số cả nước.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ thành khu vực kinh tế năng động, có sức thúc đẩy cả vùng Bắc Bộ và trở thành động lực trong hợp tác phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật với Trung Quốc và các nước ASEAN, đồng thời kết nối với các khu vực ven biển khác trong cả nước tạo thành một vành đai kinh tế ven biển phát triển nhanh, thúc đẩy và gắn kết với các vùng khác trong nội địa cùng phát triển.

2. Mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trong vành đai kinh tế, đặc biệt là tuyến trục chính ven biển từ Móng Cái đến Đồ Sơn và các cảng biển, sân bay... để nối kết với hai hành lang kinh tế Việt - Trung và khu vực ven biển Nam Trung Quốc thuộc vành đai kinh tế, tạo điều kiện mở rộng giao thương và hợp tác phát triển với Trung Quốc và ASEAN một cách chủ động, hiệu quả.

- Tập trung phát triển vùng động lực và các đô thị trung tâm dọc vành đai kinh tế, tạo sự bứt phá thúc đẩy toàn vành đai kinh tế phát triển nhanh, bền vững, tương xứng với vùng ven biển Nam Trung Quốc.

- Hình thành và phát triển một số ngành kinh tế chủ lực, gồm: du lịch biển, đảo cao cấp, đóng tàu, nhiệt điện, khai khoáng, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, hóa dầu, nuôi trồng và chế biến thủy sản... đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế gấp 1,4 - 1,5 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP cả nước. Đến năm 2020, Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đóng góp khoảng từ 6,5 - 7,0% trong tổng GDP cả nước; GDP bình quân đầu người đạt 3.500 - 4.000 USD.

III. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC VÀNH ĐAI KINH TẾ

1. Xây dựng hoàn chỉnh trục giao thông nông cốt

Tập trung xây dựng hoàn chỉnh và hiện đại hóa tuyến trục giao thông ven biển Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng - Ninh Bình, tạo điều kiện giao thông thuận tiện và thông suốt giữa Việt Nam với các tỉnh vùng Hoa Nam của Trung Quốc qua vành đai kinh tế. Giai đoạn 2009 - 2010, đầu tư nâng cấp đoạn Cẩm Phả - Móng Cái đạt cấp III đường đồng bằng và đường qua đảo Cái Bàu quy mô 4 - 6 làn xe (cùng với xây dựng cầu Vân Tiên) nối với đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái. Triển khai xây dựng một số đường cao tốc quan trọng: Hà Nội - Hải Phòng, Nội Bài - Hạ Long để đưa vào sử dụng trước năm 2015. Giai đoạn sau năm 2015, xây dựng tiếp đoạn Hạ Long - Móng Cái. Xem xét việc xây dựng tuyến cao tốc Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình để kết nối Quảng Ninh với Hải Phòng và kết nối vành đai kinh tế với các tỉnh phía Nam, mạng cao tốc trong cả nước cũng như hệ thống đường cao tốc ven biển Nam Trung Quốc.

2. Phát triển vùng động lực

Tập trung phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng, liên kết với các đô thị lớn tạo thành một dải vùng động lực, các khu vực trọng điểm mang tính đột phá dọc vành đai kinh tế .

a) Phát triển Khu kinh tế Vân Đồn (Quảng Ninh) với chức năng chính là Khu du lịch sinh thái biển - đảo chất lượng cao, trung tâm dịch vụ cao cấp và đầu mối giao thương quốc tế theo hướng: tập trung phát triển nhanh du lịch sinh thái, hình thành Trung tâm du lịch sinh thái biển - đảo chất lượng cao tầm cỡ khu vực và quốc tế. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch cả trên đảo và trên biển. Đầu tư xây dựng một số khu vui chơi giải trí cao cấp, gồm cả sân golf và hoạt động vui chơi giải trí tại trung tâm Cái Bàu và một số đảo khác. Phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp xuất khẩu. Xây dựng các trung tâm thương mại hiện đại phục vụ du lịch. Phát triển nuôi trồng hải sản trên biển phục vụ xuất khẩu kết hợp với du lịch. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng trang trại, Khu nông nghiệp công nghệ cao. Bảo vệ và phát triển rừng trên các đảo nhằm bảo vệ môi trường, kết hợp tham quan du lịch;

Triển khai xây dựng các tuyến đường xuyên đảo, đường quanh đảo Cái Bàu và đường trên các đảo quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Khu kinh tế. Xúc tiến các công việc chuẩn bị để triển khai xây dựng sân bay Vân Đồn sau năm 2010. Xây dựng cảng Vạn Hoa; cải tạo cảng Cái Rồng thành cảng hành khách phục vụ du lịch. Đầu tư hoàn thiện bến cập tàu trên các đảo Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng, Bản Sen... phục vụ du lịch. Quy hoạch sắp xếp lại các khu dân cư; xây dựng đô thị trung tâm tại Cái Bàu với kiến trúc đẹp, hiện đại tầm cỡ khu vực và quốc tế.

b) Phát triển Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng) thành một trong **những trung tâm kinh tế giao thương quốc tế hiện đại của Vùng Bắc Bộ và cả nước**, đồng thời là cửa mở ra biển chủ yếu của hai hành lang, một vành đai kinh tế. Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực trong Khu kinh tế gồm: đóng tàu, nhiệt điện; cơ khí, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp; hóa dầu; công nghiệp cảng và các ngành công nghiệp, dịch vụ cảng; sản xuất các thiết bị tin học, thiết bị tự động hóa; sản xuất vật liệu mới, vật liệu kỹ thuật cao; lắp ráp, chế tạo thiết bị nặng; sản xuất các sản phẩm nhựa cao cấp, các chất tẩy rửa, hóa mỹ phẩm; chế biến nông, lâm, thủy sản; thương mại dịch vụ, xuất nhập

khẩu, du lịch... Xây dựng khu phi thuế quan với các chính sách ưu đãi nhất. Xây dựng các khu đô thị và các khu dịch vụ công cộng hiện đại trong Khu kinh tế;

Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế; nâng cấp cảng Hải Phòng, xây dựng mới các cảng tại khu vực Đình Vũ. Triển khai xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện. Nâng cấp sân bay quốc tế Cát Bi. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường trong Khu kinh tế, đường ra cảng và hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước... đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế.

c) Phát triển Khu công nghiệp Hải Hà (Quảng Ninh) thành trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn, thu hút mạnh đầu tư với các chức năng: Trung tâm công nghiệp nặng quy mô lớn của Vùng Bắc Bộ và cả nước; Trung tâm dịch vụ cảng và vận tải biển; đồng thời, là cửa mở lớn của cả vùng, tạo điều kiện phát triển hợp tác kinh tế thương mại với Trung Quốc, khai thác thị trường Trung Quốc, đặc biệt là khu vực Nam Trung Quốc thông qua vành đai kinh tế này. Trước mắt, khẩn trương hình thành khu công nghiệp; triển khai xây dựng các cơ sở hạ tầng đối ngoại, đặc biệt là cảng biển, nhà máy đóng tàu và các trục giao thông chính (Quốc lộ 18, Quốc lộ 4B, đường cao tốc đi Móng Cái); xây dựng các khu đô thị, dịch vụ liên quan và một số công trình công nghiệp chính. Đến năm 2020 cơ bản xây dựng hoàn chỉnh Khu công nghiệp, cảng biển Hải Hà gắn với thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái thành trung tâm công nghiệp, cảng biển, trung tâm tài chính, khu mậu dịch tự do lớn và hiện đại trong khu vực;

d) Phát triển Khu công nghiệp - dịch vụ Đàm Nhà Mạc (Quảng Ninh) thành khu công nghiệp - dịch vụ đa năng gắn với thành phố Hải Phòng, cảng Lạch Huyện và khu vực Đình Vũ. Từ nay đến năm 2010 hình thành khu công nghiệp - dịch vụ Đàm Nhà Mạc. Sau năm 2010 triển khai xây dựng cảng biển và các trục giao thông kết nối với Hải Phòng, Quốc lộ 18 và thành phố Hạ Long; xây dựng một số công trình công nghiệp, khu đô thị, khu trung tâm hành chính, khu dịch vụ và thương mại... Sau năm 2015 đầu tư xây dựng cầu (hoặc đường hầm) qua sông Bạch Đằng nối với Đình Vũ, tuyến đường sắt nối với đường sắt Yên Viên - Bãi Cháy và đồng bộ hệ thống giao thông trong khu công nghiệp. Đến năm 2025 cơ bản xây dựng hoàn chỉnh Khu công nghiệp - dịch vụ này;

đ) Phát triển thành phố Hải Phòng thành Trung tâm dịch vụ cảng và vận tải biển lớn, hiện đại, có vị thế đáng kể trong khu vực và thế giới. Cơ cấu kinh tế của Hải Phòng gồm cảng biển - công nghiệp - dịch vụ. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp cảng, công nghiệp đóng tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp kỹ thuật cao, sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp, hàng xuất khẩu, chế biến thực phẩm, du lịch và dịch vụ tổng hợp... Xây dựng một Trung tâm thương mại, Hội chợ - triển lãm quốc tế Việt Nam - Trung Quốc làm đầu mối chính trong hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước qua hai hành lang, một vành đai kinh tế. Đến năm 2020 xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố cảng văn minh, hiện đại trong khu vực với quy mô dân số nội thành từ 1,4 - 1,5 triệu người;

e) Phát triển thành phố Hạ Long thành Trung tâm phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, giữ vai trò là một trong hai đô thị trung tâm của Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ. Hướng phát triển của Hạ Long là lấy phát triển du lịch và dịch vụ làm trọng tâm để thúc đẩy các ngành khác và hạn chế dần khai thác than công nghiệp. Trước hết tập trung phát triển mạnh du lịch, xây dựng Hạ Long thành Trung tâm du lịch, vui chơi giải trí biển hiện đại của cả nước và quốc tế. Phối hợp với các địa phương Trung Quốc thuộc vành đai kinh tế để đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch, nhất là các công trình vui chơi giải trí cao cấp và tổ chức các tuyến du lịch liên quốc gia (cả bằng đường bộ và đường thủy) qua vành đai kinh tế. Phát triển mạnh lĩnh vực thương mại, dịch vụ để trở thành trung tâm thương mại lớn của vành đai kinh tế. Phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ cảng, gắn với xây dựng cảng Cái Lân quy mô phù hợp, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long để phát triển du lịch;

Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, đổi mới cơ cấu kinh tế phù hợp với chức năng của một thành phố du lịch - dịch vụ và công nghiệp cảng. Tiếp tục mở rộng quy mô thành phố, đến năm 2010 nâng cấp Hạ Long lên đô thị loại I với quy mô dân số khoảng từ 30 - 33 vạn người và năm 2020 đạt hơn 60 vạn người, trong đó dân số nội thị hơn 50 vạn người.

g) Xây dựng thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái, là điểm khởi đầu của Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ, vì vậy, khẩn trương xây dựng Móng Cái trở thành Thành phố cửa khẩu quốc tế hiện đại, là một Trung tâm đầu mối về giao dịch, trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa Việt Nam với Trung Quốc; Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí lớn của khu vực và Trung tâm công nghiệp chế biến, chế tác và lắp ráp xuất khẩu;

Trước hết, đầu tư nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Mông Dương - Móng Cái và kéo dài đến Trà Cổ - Mũi Ngọc đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng. Xây dựng tuyến đường biên Móng Cái - Bắc Phong Sinh - Hoành Mô - Bắc Cường và các đường xương cá nối vào nội địa. Xây dựng đường trên đảo Vĩnh Thực phục vụ du lịch. Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước của thành phố. Đầu tư xây dựng cảng Vạn Gia công suất từ 3 - 5 triệu tấn/năm (giai đoạn đầu khoảng 1 triệu tấn/năm), đáp ứng yêu cầu phát triển giao thương hàng hóa trong nước và quốc tế.

Phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản xuất khẩu, gia công sản phẩm công nghiệp để xuất khẩu sang Trung Quốc và công nghiệp lắp ráp những linh kiện nhập từ Trung Quốc để xuất sang các nước ASEAN... Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại hiện đại (gồm trung tâm thương mại, các siêu thị, các điểm giao dịch, văn phòng đại diện, Trung tâm hội chợ - triển lãm quốc tế...). Hợp tác với Trung Quốc xây dựng Khu thương mại tự do Móng Cái theo mô hình "Đặc khu kinh tế song phương" với các chính sách ưu đãi chung cho cả hai bên để thúc đẩy phát triển các hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước và mở cửa, hội nhập mạnh với các nước ASEAN.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển các ngành chủ đạo trong vành đai kinh tế

a) Công nghiệp

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cơ bản, then chốt, các ngành có giá trị gia tăng cao, kết hợp với phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp khoảng 18 - 19%. Đến năm 2020 cơ bản Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ có nền công nghiệp lớn và hiện đại trong khu vực.

Ưu tiên nguồn lực và chính sách ưu đãi cho một số ngành, sản phẩm chủ đạo như công nghiệp than, nhiệt điện, đóng tàu, cơ khí chế tạo, sản xuất thép, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp dầu khí, sản xuất động cơ điện, chế biến lâm sản, thủy sản, dệt may, giấy dép, sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng cao cấp... Kết hợp đồng bộ giữa phát triển công nghiệp với phát triển kết cấu hạ tầng trên từng địa bàn.

- Về công nghiệp than: đầu tư đổi mới công nghệ các cơ sở khai thác than hiện có, mở rộng quy mô khai thác hầm lò. Quản lý chặt chẽ tình trạng khai thác than trái phép. Từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp theo thực hiện theo Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Giảm dần xuất khẩu than thông qua biện pháp quản lý bằng kế hoạch nhằm bảo vệ tài nguyên, đồng thời bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Quy hoạch hợp lý các bãi thải, kiểm soát và xử lý tốt bụi than trong quá trình vận chuyển và chế biến than;

- Về công nghiệp điện: đẩy nhanh tiến độ thi công và đưa vào hoạt động các nhà máy nhiệt điện Uông Bí II, Cẩm Phả I, II, Hà Khánh (Quảng Ninh), Tam Hưng (Hải Phòng). Triển khai xây dựng các nhà máy điện Mạo Khê, Mông Dương, Thăng Long, nhà máy điện diezen Cái Lân (Quảng Ninh)... Xúc tiến xây dựng trung tâm nhiệt điện lớn tại Khu công nghiệp Hải Hà sau năm 2010. Phát triển sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời tại các vùng nông thôn ven biển và trên các đảo. Đến năm 2010 tổng công suất điện trong vành đai kinh tế đạt từ 2.500 - 3.000 MW và năm 2020 đạt trên 6.000 MW;

- Về công nghiệp đóng tàu: tập trung nguồn lực phát triển mạnh công nghiệp đóng tàu. Đến năm 2020 xây dựng Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ thành Trung tâm đóng tàu lớn của Việt Nam, đồng thời là một trong những trung tâm công nghiệp tàu biển lớn và hiện đại của khu vực và thế giới, có thể đóng mới tàu vận tải đến 20 - 25 vạn DWT và các loại tàu chuyên dùng khác như tàu chở dầu, tàu container, tàu công trình, tàu thăm dò và khai thác dầu khí, tàu du lịch, tàu cá công suất lớn, tàu quân sự... đạt tiêu chuẩn quốc tế;

Tiếp tục nâng cấp mở rộng các nhà máy đóng tàu Phà Rừng - Bạch Đằng, Bến Kiền, Nam Triệu (Hải Phòng); hoàn thiện Khu công nghiệp đóng tàu Cái Lân, nhà máy đóng tàu Hạ Long, Hà An (Quảng Ninh)... đáp ứng từ 80 - 85% nhu cầu sửa chữa tàu sông của Vùng Bắc Bộ và 45 - 50% nhu cầu đóng mới, sửa chữa tàu biển của cả nước. Sau năm 2010, triển khai xây dựng một số nhà máy đóng tàu quy mô lớn cùng công nghiệp phụ trợ tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải và các Khu công nghiệp Hải Hà, Đầm Nhà Mạc, Quang Vinh (Tiên Lãng)... Phát triển đồng bộ các cơ sở công nghiệp phụ trợ cho công nghiệp đóng tàu, tăng dần tỷ lệ nội địa hóa.

- Về công nghiệp thép: phát triển nhanh công nghiệp sản xuất thép, đáp ứng nhu cầu thép ngày càng lớn trong khu vực, nhất là cho công nghiệp đóng tàu. Tiếp tục mở rộng các nhà máy thép hiện có. Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất thép khác, nhất là các nhà máy đúc phôi, sản xuất thép tấm, thép cao cấp... Ưu tiên xây dựng các nhà máy thép quy mô lớn tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải và Khu công nghiệp Hải Hà phục vụ công nghiệp đóng tàu. Đến năm 2010 quy mô sản xuất thép trong vành đai kinh tế đạt trên 5 triệu tấn/năm và năm 2020 đạt khoảng 15 triệu tấn/năm;

- Về công nghiệp vật liệu xây dựng: phát triển mạnh công nghiệp xi măng để trở thành ngành mũi nhọn. Cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất hiện có đạt trình độ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dây chuyền II của các nhà máy xi măng Chinfon, Hướng Dương để đưa vào hoạt động trước 2010. Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy xi măng Cẩm Phả, Thăng Long, Lam Thạch (Quảng Ninh)... Đến năm 2010 tổng năng lực sản xuất xi măng trong vành đai kinh tế đạt từ 11 - 12 triệu tấn/năm. Sắp xếp hợp lý các cơ sở sản xuất đá, đất sét, cát xây dựng... để khai thác hiệu quả nguồn vật liệu xây dựng trên địa bàn, đồng thời bảo vệ môi trường, cảnh quan du lịch;

- Về cơ khí, chế tạo: phát triển công nghiệp cơ khí, chế tạo trở thành trung tâm cơ khí mạnh của khu vực phía Bắc. Đầu tư có chọn lọc xây dựng mới các cơ sở sản xuất hiện đại với công nghệ tiên tiến. Ưu tiên phát triển các ngành cơ khí phục vụ công nghiệp đóng tàu, công nghiệp cảng, công nghiệp khai thác mỏ. Phát triển công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị điện; sản xuất, lắp ráp xe cơ giới; sửa chữa lắp ráp các thiết bị hạng nặng, các phương tiện vận tải nặng, các thiết bị nâng đỡ; sản xuất máy xây dựng, các máy móc, thiết bị phục vụ ngành xi măng, may mặc, chế biến nông, lâm, thủy sản... Ưu tiên phát triển các sản phẩm bổ trợ cho công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển;

- Các ngành công nghiệp khác: mở rộng các ngành công nghiệp truyền thống và các ngành sản phẩm có nhu cầu lớn trong địa bàn như sản xuất sơn tàu biển, bột nhẹ, chất tẩy rửa tổng hợp, đất đèn, ắc quy, nhựa bao bì, nhựa xây